TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ NINH** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2019/HS-ST
Ngày 29-05-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Thị Anh Tấn

- ***Thư ký phiên toà*** :ông Lương Anh Tuấn -Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: ông Triệu Khắc Cường- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày29 tháng 05 năm 2019tại trụ sở Toà án nhân dân thuyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số30/2019/TLST-HS ngày06 tháng 05 năm 2019theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày16 tháng 05 năm 2019đối vớicác bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN P

Tên gọi khác: không

Sinh ngày 25 tháng 05 năm 1988 tại: tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo

Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.

Con: có 02 con là Nguyễn Hải Đ1, sinh năm 2012 và Nguyễn Thị Huyền N1, sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án số 49/2007/HSST ngày 29/11/2007 Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh đã xử phạt Nguyễn Văn P 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 12 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 29/11/2008.

Bị cáo Nguyễn Văn P bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2019 đến ngày 08/5/2019 tại thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ.Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. TRIỆU QUỐC V

Tên gọi khác: không

Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1981 tại: tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Khu 2, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

Con ông Triệu Văn V1 (đã chết) và bà Trương Thị S;

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Triệu Quốc V bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2019 đến ngày 08/5/2019 tại thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. TRẦN THANH T1

Tên gọi khác: không

Sinh ngày 06 tháng 07 năm 1994 tại: tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Trình độ văn hóa: 12/12.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

Con ông Trần Văn N2 và bà Nguyễn Thị T2;

Vợ: Nguyễn Thị Phương T3, sinh năm 1994;

Con: có 02 con là Trần Ngọc Bảo N3, sinh năm 2014 và Trần Quang A, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Thanh T1 bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2019 đến ngày 08/5/2019 tại thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. TRƯƠNG DUY C1

Tên gọi khác: không

Sinh ngày 05 tháng 12 năm 1983 tại: tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Khu 2, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Con ông Trương Đình V2 và bà Nguyễn Thị T4;

Vợ: Hoàng Thị B, sinh năm 1987.

Con: có 02 con là Trương Bảo A1, sinh năm 2014 và Trương Ngọc L, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trương Duy C1 bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2019 đến ngày 08/5/2019 tại thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. BÙI VĂN SƠN

Tên gọi khác: không

Sinh ngày 25 tháng 5 năm 1990 tại: tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

Con ông Bùi Văn N4 và bà Nguyễn Thị L1

Vợ: Vũ Thị T5, sinh năm 1993 (đã ly hôn).

Con: Bùi Gia B1, sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Bùi Văn S1 bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2019 đến ngày 08/5/2019 tại thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ.Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút sáng ngày 22/02/2019 Triệu Quốc V, sinh năm 1981, nơi ĐKHKTT tại khu 2, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Trần Thanh T1, sinh năm 1994, nơi ĐKHKTT tại khu 4, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ và Bùi Văn S1, sinh năm 1990, nơi ĐKHKTT tại khu 4, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ lần lượt đến nhà Nguyễn Văn P, sinh năm 1988 thuộc khu 4, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ chơi. Sau đó P, V, T1 và S1 cùng rủ nhau đánh bạc thì tất cả đồng ý. P lấy tấm thảm bằng mút ra, trải ở nền gian phòng khách và đem ra một bộ bài tú lơ khơ rồi cùng V, T1 và S1 đánh bạc. Tất cả cùng thống nhất Đánh bạc với nhau bằng hình thức chơi "sâm", mức chơi cụ thể là 10.000đ, mười nghìn đồng một lá.

Cụ thể cách thức đánh bạc (hình thức chơi bài "Sâm"): Người chơi sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, mỗi ván bài người thắng ván trước sẽ chia đều cho mỗi người chơi bạc 10 quân bài ván sau. Khi chia bài xong người chơi có thể báo "sâm" và được đánh trước, nếu người báo "sâm" đánh hết bài mà những người chơi còn lại không ai bắt được thì người báo "sâm" sẽ thắng, còn những người cùng chơi bị thua và mỗi người phải trả cho người thắng báo sâm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Ngược lại nếu người báo "sâm" bị một trong số những người cùng chơi bắt được thì sẽ phải trả đền cho người bắt được "sâm" số tiền bằng với số tiền báo "sâm" thắng được. Và quy định trong số những người chơi bạc ai có 04 quân 2 là sâm không ai bắt được. Nếu không có người chơi nào báo sâm thì người chia bài được đánh đầu tiên rồi sau đó lần lượt theo thứ tự người chơi ngồi tiếp theo được đánh. Đến khi người chơi nào đánh hết bài trước thì sẽ thắng ván bạc đó, những người chơi còn lại sẽ phải trả cho người thắng số tiền bằng số quân bài chưa đánh được nhân với 10.000đ (Mười nghìn đồng), nếu người chơi nào không đánh được quân bài nào thì bị "treo" và phải trả cho người thắng số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Bài sâm quy định quân bài số 2 là lớn nhất rồi đến quân bài "Át" lần lượt cho đến quân bài số 3 là nhỏ nhất. Nếu bài của người chơi nào có tứ quý (tức là có 4 quân bài giống nhau từ bộ 3 đến bộ Át) thì có thể bắt quân bài số 2 của người cùng chơi và thắng được số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) từ người này. Ngoài ra còn có đánh đôi, nghĩa là 02 con bài giống nhau, hay đánh bộ 03 quân, có 03 quân bài giống nhau như 03 quân 9 và dây có từ 03 quân bài trở lên, (chẳng hạn dây j,Q, K …). Nếu ai có đôi, ba, hay dây to hơn thì bắt được bài của người đó.

P, V, T1 và S1 đánh bạc với nhau được khoảng 10 phút thì Trương Duy C1, sinh năm 1983, nơi ĐKHKTT tại khu 2, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ đến và tham gia đánh bạc cùng. Khoảng 15 phút sau thì S1 bị thua hết tiền không chơi nữa và ngồi xem P, V, T1, C1 đánh bạc với nhau. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi P, V, T1 và C1 đang đánh bạc cùng nhau thì bị Công an huyện Phù Ninh phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 7.770.000đ (bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng);

- 52 (năm mươi hai) quân bài tú lơ khơ;

- 01 (một) tấm thảm bằng mút,

- Thu trên người của Nguyễn Văn P 01 CMTND số 132.383.030 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp;

- Thu của Bùi Văn S1 01 ví gia màu nâu bên trong có 01 CMTND số 132.066.554.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Ninh các đối tượng khai sử dụng tổng số tiền để tham gia đánh bạc là: 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Cụ thể:

- Nguyễn Văn P có số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và sử dụng toàn bộ tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc có ván thắng, ván thua, khi bị bắt quả tang P để tiền đánh bạc dưới chiếu nên không rõ thắng thua bao nhiêu tiền.

- Triệu Quốc V có số tiền 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc có ván thắng, ván thua. Đến khi bị bắt quả tang, V vứt tiền đánh bạc xuống chiếu nên không rõ thắng thua bao nhiêu tiền.

- Trần Thanh T1 có số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) và sử dụng toàn bộ tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T1 đánh liên tục nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Khi bị bắt quả tang T1 để tiền đánh bạc xuống chiếu nên không rõ thắng thua bao nhiêu tiền.

- Trương Duy C1 có số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và sử dụng toàn bộ tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc có ván thắng, ván thua, khi bị bắt quả tang tiền đánh bạc C1 để dưới chiếu bạc nên không rõ thắng thua bao nhiêu tiền.

- Bùi Văn S1 sử dụng số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) sử dụng toàn bộ tham gia đánh bạc. Bản thân S1 tham gia đánh liên tục nhiều ván, sau đó bị thua hết tiền và ngồi xem đánh bạc.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn P, Triệu Quốc V, Trần Thanh T1, Trương Duy C1 và Bùi Văn S1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSPN ngày 04/05/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ đã truy tốcác bị cáo Nguyễn Văn P, Triệu Quốc V, Trần Thanh T1, Trương Duy C1 và Bùi Văn S1về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P, Triệu Quốc V, Trần Thanh T1, Trương Duy C1 và Bùi Văn S1 phạm tội "Đánh bạc".

Đề nghị xử phạt bị cáo P từ 9 đến 12 tháng tù giam

Các bị cáo V, T1, C1 từ 6 đến 9 tháng tù giam

Bị cáo S1 từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 03 ngày tạm giữ kể từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019 (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ, 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, khấu trừ một phần thu nhập: Miễn áp dụng cho bị cáo S1

Buộc bị cáo Bùi Văn S1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc buộc bị cáo Bùi Văn S1 lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn P, Triệu Quốc V, Trần Thanh T1, Trương Duy C1 và Bùi Văn S1 không có ý kiến gì về bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa các bị cáonói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Văn P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Triệu Quốc V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Thanh T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trương Duy C1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Bùi Văn S1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra - Công an huyện Phù Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi cấu thành tội phạm của các bị cáo:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22/02/2019. Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Ninh bắt quả tang tại chỗ ở của Nguyễn Văn P, sinh năm 1988, nơi ĐKNKTT Khu 4, thị trấn C, huyện N cùng Triệu Quốc V, sinh năm 1981, nơi ĐKHKTT tại khu 2, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Trần Thanh T1, sinh năm 1994, nơi ĐKHKTT tại khu 4, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Trương Duy C1, sinh năm 1983, nơi ĐKHKTT tại khu 2, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ và Bùi Văn S1, sinh năm 1990, nơi ĐKHKTT tại khu 4, thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh "Sâm" ăn tiền với tổng số tiền là 7.770.000đ. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo chỉ khai nhận sử dụng tổng số tiền vào việc đánh bạc là 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, khi Cơ quan điều tra bắt quả tang, số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 7.770.000đ (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm về tổng số tiền trên chiếu bạc là 7.770.000đ (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định: "*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi qui định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội qui định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*.

Như vậy hành vi đánh bạc trái phép, được thua bằng tiền, dưới hình thức chơi "sâm" của các bị cáo Nguyễn Văn P, Triệu Quốc V, Trần Thanh T1, Trương Duy C1 và Bùi Văn S1 với tổng số tiền 7.770.000đ đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc.

[3]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn P, Triệu Quốc V, Trần Thanh T1, Trương Duy C1 và Bùi Văn S1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác cũng như ảnh hưởng đến kinh tế và hạnh phúc gia đình. Xong vì mục đích vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần quyết định mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Văn P, Triệu Quốc V, Trần Thanh T1, Trương Duy C1 và Bùi Văn S1 khôngphải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Trương Duy C1, Triệu Quốc V, Bùi Văn S1, Trần Thanh T1 được hưởng 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sựđó là: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra bị cáo V còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là bố đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn P được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sựđó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo P không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng vì năm 2007, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Lần phạm tội này bị cáo P và đồng phạm đánh bạc có giá trị dưới 5.000.000đ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 29/11/2008 và đã được xóa án tích.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên cần quyết định cho bị cáo P mức hình phạt nặng hơn các bị cáo V, T1, S1 và C1.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ nhưng do các bị cáo P, C1, V ,T1, S1 không có tài sản có giá trị vì vậy miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định người bị kết án phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định vì vậy không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo. Tuy nhiên cần buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

[6]. Về vật chứng:

Đối với số tiền là 7.770.000đ (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 52 quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng,01 tấm thảm bằng mútlà vật chứng không có giá trị vì vậycăn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy.

Đối với giấy chứng minh nhân dân số 132.383.030do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/4/2008 mang tên Nguyễn Văn P không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo vì vậy căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo P là phù hợp.

Đối với giấy chứng minh nhân dân số 132.066.554do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 27/6/2016 mang tên Bùi Văn S1 và 01 chiếc ví giả da màu nâu là của bị cáo S1 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo vì vậy căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo S1 là phù hợp.

[7]Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩmtheo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Triệu Quốc V, Trần Thanh T1, Trương Duy C1 và Bùi Văn S1 phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 03 ngày tạm giữ kể từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019 (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ, 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, khấu trừ một phần thu nhập: Miễn áp dụng cho bị cáo P

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc buộc bị cáo Nguyễn Văn P lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn S1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 03 ngày tạm giữ kể từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019 (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ, 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, khấu trừ một phần thu nhập: Miễn áp dụng cho bị cáo S1

Buộc bị cáo Bùi Văn S1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc buộc bị cáo Bùi Văn S1 lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Triệu Quốc V 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 03 ngày tạm giữ kể từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019 (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ, 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, khấu trừ một phần thu nhập: Miễn áp dụng cho bị cáo V

Buộc bị cáo Triệu Quốc V phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc buộc bị cáo Triệu Quốc V lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 03 ngày tạm giữ kể từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019 (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ, 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, khấu trừ một phần thu nhập: Miễn áp dụng cho bị cáo T1

Buộc bị cáo Trần Thanh T1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc buộc bị cáo Trần Thanh T1 lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Duy C1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 03 ngày tạm giữ kể từ ngày 22/02/2019 đến ngày 25/02/2019 (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ, 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, khấu trừ một phần thu nhập: Miễn áp dụng cho bị cáo C1.

Buộc bị cáo Trương Duy C1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc buộc bị cáo Trương Duy C1 lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.770.000đ

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy:

52 quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, 01 tấm thảm bằng mút

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P 01 giấy chứng minh nhân dân số 132.383.030do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/4/2008 mang tên Nguyễn Văn P.

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn S1: 01 giấy chứng minh nhân dân số 132.066.554do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 27/6/2016 mang tên Bùi Văn S1 và 01 chiếc ví giả da màu nâu.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/05/2019)

Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn P, Triệu Quốc V, Trần Thanh T1, Trương Duy C1 và Bùi Văn S1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND H.Phù Ninh;
- Cơ quan điều tra CATP H.Phù Ninh;
- Chi cục THADS H.Phù Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND TT C, H.N, T.Phú Thọ;
- Lưu HSVA, VP